

Bản án số:23/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-5-2020  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Ngọc Thành và ông Nguyễn Văn Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Thị Chuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 588/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Hồng S, sinh năm 1994

Địa chỉ: số 2741, tổ 1, ấp PT, xã PB, huyện TP, tỉnh ĐN.

**- Bị đơn:** Chị Phạm Thị Tuyết S1, sinh năm: 1998

Địa chỉ: tổ 12, ấp NL 2, xã PX, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Anh S có đơn yêu cầu vắng mặt, chị S1 vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hồng S trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Tuyết S1 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PB, huyện TP, tỉnh ĐN và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định vào ngày 28-11-2016, số:103. Sau khi kết hôn hai người chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai người không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường hay cãi nhau, tình cảm không sâu đậm và tuổi đời kết hôn khi còn trẻ nên hai người không nhường nhịn nhau. Từ đó chị S1 bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống nên hai người không còn sống chung với nhau. Nhận thấy tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị S1.

- Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 23/9/2017. Anh đồng ý giao con chung cho chị S1 nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị S1 nhưng chị vẫn không đến Tòa án, vì vậy không ghi được lời khai của chị.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn triệu tập hợp lệ 02 lần không đến nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của anh S. Về hôn nhân: Anh S được ly hôn với chị S1. Đề nghị giao con chung Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 23/9/2017 cho chị S1 trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị S1 không có văn bản trình bày ý kiến. Về tài sản chung, nợ chung: Do chị S1 vắng mặt không trình bày ý kiến nên đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn chị Phạm Thị Tuyết S1 có nơi cư trú tại ấp NL 2, xã PX, huyện TP, tỉnh ĐN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh S khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự anh là nguyên đơn, chị S1 là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 16/04/2020 Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Tòa án căn cứ vào khoản 2, Điều 207; khoản 2 Điều 208; khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải, đồng thời Tòa án thông báo kết quả phiên họp cho đương sự vắng mặt biết.

- Anh S có đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn chị S1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ b khoản 2 Điều 227 và

khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh S và chị S1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PB và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, vào sổ cấp giấy số 103, ngày 28/11/2016. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Cuộc sống chung hạnh phúc đến tháng 4/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, tình cảm không sâu đậm, tuổi đời kết hôn khi còn trẻ nên hai người không chịu nhường nhịn. Từ đó chị S1 bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống nên hai người không còn sống chung với nhau cho đến nay. Bản thân chị S1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, qua đó thể hiện chị S1 có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ gia đình. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân tại địa phương ngày 09/3/2020, ngày 20/3/2020 cũng phù hợp với lời khai của anh S. Như vậy anh, chị đã không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng tại Điều của 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...có nghĩa vụ sống chung với nhau*”.

Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị S1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh S, cho anh được ly hôn với chị S1, quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Về nuôi con chung: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện chị S1 về sinh sống cùng cha mẹ, hiện nay con dưới 36 tháng tuổi nên theo quy định của pháp luật được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, đồng thời từ tháng 4/2018 đến nay chị là người nuôi con tốt nên để ổn định cuộc sống cho con khi còn nhỏ. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy việc tiếp tục giao con chung Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 23/9/2017 cho chị S1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Do chị không đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời miễn cho anh S nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình. Anh S có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung anh S có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh S trình bày không có, không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết. Do chị S1 không có văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp và yêu cầu.

[3] Về án phí: Anh S phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng S.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng S được ly hôn với chị Phạm Thị Tuyết S1.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 23/9/2017 cho chị Phạm Thị Tuyết S1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời miễn cho anh S nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh S có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do chị S1 không có văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp và yêu cầu.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Hồng S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ anh S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 005714 ngày 19-12-2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Anh S và chị S1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Bình (số 103, ngày 28/11/2016) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Lan**

